

Số: 1029/QĐ- DHNL

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy,
năm học 2024 - 2025 (đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HDDH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế; Nghị quyết số 50/NQ-HDDH ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HDT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-DHNL ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học, cao đẳng, đại học thứ 2 và liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học hệ chính quy năm 2024;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo và công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học, hình thức đào tạo chính quy cho 289 (hai tám chín) sinh viên có tên theo danh sách đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *amle*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban ĐT&CTSV, DHH;
- Lưu: VT, P. ĐT&CTSV, NTT.



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY, NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1029/QĐ-ĐHNL ngày 25 / 12 / 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ. KHÓA: 2020 - 2025								
1	20L1020040	Lê Văn Ái	Nam	30-04-2002	Thừa Thiên Huế	3.07	Khá	
2	20L1020041	Trương Minh Bin	Nam	20-06-2002	Thừa Thiên Huế	2.75	Khá	
3	20L1020006	Lê Quốc Hoàng	Nam	16-05-2002	Quảng Bình	2.72	Khá	
4	20L1020023	Nguyễn Hữu Hoàng	Nam	02-03-2002	Quảng Bình	3.25	Giỏi	
5	20L1020047	Võ Minh	Nam	11-07-2002	Thừa Thiên Huế	3.22	Giỏi	
6	20L1020048	Ngô Văn Mười	Nam	15-04-2002	Thừa Thiên Huế	2.81	Khá	
7	20L1020007	Nguyễn Ngọc Mỹ	Nam	13-01-2002	Thừa Thiên Huế	2.68	Khá	
8	20L1020062	Huỳnh Trọng Nguyễn	Nam	05-09-2002	Thừa Thiên Huế	2.88	Khá	
9	20L1020008	Bùi Anh Quốc	Nam	27-04-2002	Thừa Thiên Huế	3.01	Khá	
10	20L1020056	Phan Văn Thắng	Nam	15-05-2002	Thừa Thiên Huế	3.36	Giỏi	
11	20L1020016	Phạm Anh Tuấn	Nam	22-07-2002	Thừa Thiên Huế	2.99	Khá	
12	20L1020060	Trần Đình Văn	Nam	01-01-2002	Quảng Trị	3.13	Khá	
13	20L1020061	Trần Đình Vy	Nam	22-03-2002	Thừa Thiên Huế	3.23	Giỏi	

NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L1030004	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	10-10-2002	Quảng Bình	3.15	Khá	
2	20L1030005	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	02-02-2002	Thừa Thiên Huế	3.34	Giỏi	
3	20L1030006	Trần Anh Đài	Nữ	22-03-2002	Quảng Trị	3.50	Giỏi	
4	20L1030099	Lê Công Tiến Đạt	Nam	12-05-2002	Thừa Thiên Huế	3.32	Giỏi	
5	20L1030008	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Nữ	24-02-2001	Thừa Thiên Huế	3.55	Giỏi	
6	20L1030012	Phan Thị Duyên	Nữ	06-05-2002	Thừa Thiên Huế	2.94	Khá	
7	20L1030104	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	01-12-2002	Thừa Thiên Huế	3.73	Xuất sắc	
8	20L1030105	Phan Thị Thu Hà	Nữ	14-04-2002	Thừa Thiên Huế	3.16	Khá	
9	20L1030106	Lê Thị Hào	Nữ	10-01-2002	Thừa Thiên Huế	3.36	Giỏi	
10	20L1030019	Võ Thị Kiều Hiên	Nữ	08-10-2002	Quảng Trị	2.95	Khá	
11	20L1030108	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	23-12-2002	Quảng Trị	3.38	Giỏi	
12	20L1030087	Phạm Phước Hoàng	Nam	05-06-2002	Thừa Thiên Huế	2.93	Khá	
13	20L1030113	Hoàng Lê Trọng Huy	Nam	01-01-2002	Thừa Thiên Huế	2.64	Khá	
14	20L1030118	Nguyễn Thị Mỹ Lai	Nữ	09-06-2002	Thừa Thiên Huế	3.59	Giỏi	
15	20L1030120	Nguyễn Thị Lành	Nữ	23-10-2002	Quảng Trị	3.16	Khá	
16	20L1030121	Ngô Thị Diệu Linh	Nữ	06-02-2002	Thừa Thiên Huế	3.02	Khá	
17	20L1030129	Võ Thị Hạnh Nguyễn	Nữ	06-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.49	Giỏi	
18	20L1030169	Hoàng Thị Kim Nguyễn	Nữ	08-05-2002	Quảng Trị	3.57	Giỏi	
19	20L1030038	Hoàng Thị Yến Nhi	Nữ	12-11-2002	Đắk Lắk	2.84	Khá	
20	20L1030039	Đặng Thị Thanh Nhi	Nữ	23-06-2002	Thừa Thiên Huế	3.28	Giỏi	
21	20L1030131	Trần Thị Nhi	Nữ	06-10-2002	Thừa Thiên Huế	3.61	Xuất sắc	
22	20L1030043	Phan Thị Nhị	Nữ	12-04-2002	Thừa Thiên Huế	2.90	Khá	
23	20L1030047	Lê Thị Quỳnh Như	Nữ	30-04-2002	Quảng Bình	2.99	Khá	
24	20L1030132	Hoàng Thị Quỳnh Như	Nữ	28-01-2002	Thừa Thiên Huế	3.36	Giỏi	
25	20L1030133	Nguyễn Thị Huyền Nhung	Nữ	29-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.55	Giỏi	
26	20L1030170	Đặng Thị Kiều Oanh	Nữ	11-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.71	Xuất sắc	
27	20L1030052	Hoàng Thị Phượng	Nữ	08-12-2002	Thừa Thiên Huế	3.11	Khá	
28	20L1030144	Võ Văn Nhật Thành	Nam	09-03-2002	Thừa Thiên Huế	2.99	Khá	

ST	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
29	20L1030058	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	13-09-2002	Thừa Thiên Huế	3.66	Xuất sắc	
30	20L1030147	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	01-04-2002	Thừa Thiên Huế	2.69	Khá	
31	20L1030148	Hoàng Xuân Thiên	Nam	24-10-2002	Quảng Trị	3.05	Khá	
32	20L1030150	Nguyễn Thị Thương	Nữ	23-10-2002	Quảng Trị	3.43	Giỏi	
33	20L1030151	Hà Thị Thúy	Nữ	26-10-2002	Thừa Thiên Huế	3.67	Xuất sắc	
34	20L1030152	Lê Thị Lệ Thùy	Nữ	25-03-2002	Thừa Thiên Huế	3.30	Giỏi	
35	20L1030073	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	24-06-2002	Thừa Thiên Huế	2.87	Khá	
36	20L1030155	Nguyễn Thị Hồng Trinh	Nữ	03-06-2002	Thừa Thiên Huế	3.17	Khá	
37	20L1030078	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nữ	03-10-2001	Quảng Ngãi	2.64	Khá	
38	20L1030162	Trần Thị Ánh Tuyết	Nữ	25-05-2002	Hà Tĩnh	3.22	Giỏi	
39	20L1030079	Hoàng Nguyên Thảo Uyên	Nữ	13-08-2002	Quảng Trị	3.38	Giỏi	
40	20L1030163	Trần Thị Thu Uyên	Nữ	18-02-2002	Thừa Thiên Huế	3.66	Xuất sắc	
41	20L1030164	Hồ Ngọc Uyên Vân	Nữ	30-06-2002	Thừa Thiên Huế	3.72	Xuất sắc	
42	20L1030081	Hoàng Thị Viên	Nữ	16-03-2002	Thừa Thiên Huế	3.35	Giỏi	

NGÀNH KỸ THUẬT CƠ - ĐIỆN TỬ. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L1040049	Nguyễn Luýt	Nam	12-12-2002	Thừa Thiên Huế	3.29	Giỏi	
2	20L1040042	Bùi Hoàng Mãn	Nam	01-01-2002	Thừa Thiên Huế	3.60	Xuất sắc	
3	20L1040015	Nguyễn Văn Phi	Nam	22-07-2001	Quảng Trị	3.40	Giỏi	
4	20L1040043	Ngô Tiến Phú	Nam	22-06-2002	Đắk Lắk	3.60	Xuất sắc	
5	20L1040045	Trần Hữu Quốc	Nam	16-04-2002	Thừa Thiên Huế	2.96	Khá	
6	20L1040050	Nguyễn Ý	Nam	01-02-2002	Thừa Thiên Huế	3.40	Giỏi	

NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L3010003	Lương Thanh Bá	Nam	14-02-2002	Quảng Nam	2.96	Khá	
2	20L3010007	Lê Thị Hiền	Nữ	17-10-2002	Quảng Bình	3.66	Xuất sắc	
3	20L3010011	Đặng Công Thành	Nam	16-08-2002	Thừa Thiên Huế	2.83	Khá	
4	20L3010021	Nguyễn Trọng Tiến	Nam	03-10-2001	Hà Tĩnh	2.69	Khá	

NGÀNH BẢO VỆ THỰC VẬT. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L3020002	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Nữ	15-01-2002	Bình Định	2.90	Khá	
2	20L3020021	Lê Thị Diệu	Nữ	12-09-2002	Kon Tum	3.44	Giỏi	
3	20L3020008	Đoàn Trương Phương Hương	Nữ	29-06-2002	Quảng Nam	3.35	Khá	7.89%
4	20L3020004	Hồ Đắc Nhân	Nam	04-06-2002	Thừa Thiên Huế	2.60	Khá	

NGÀNH CHĂN NUÔI. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L3060002	Hồ Thị Quỳnh Anh	Nữ	30-09-2002	Quảng Trị	3.72	Xuất sắc	
2	20L3060006	Ngô Xuân Bửu	Nam	25-02-2002	Quảng Trị	2.41	Trung bình	
3	20L3060007	Nguyễn Đức Đạt	Nam	10-02-2002	Quảng Nam	2.63	Khá	
4	20L3060069	Đình Tiến Đạt	Nam	05-08-2001	Quảng Bình	2.45	Trung bình	
5	20L3060011	Nguyễn Khoa Hữu Duy	Nam	30-08-2002	Thừa Thiên Huế	2.65	Khá	
6	20L3060076	Nguyễn Thị Trà Giang	Nữ	02-09-2001	Hà Tĩnh	2.53	Khá	
7	20L3060079	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	13-02-2002	Hà Tĩnh	2.73	Khá	
8	20L3060013	Nguyễn Thị Hoài Hân	Nữ	11-01-2002	Quảng Ngãi	2.50	Khá	
9	20L3060081	Nguyễn Văn Hoà	Nam	15-08-2002	Thừa Thiên Huế	2.65	Khá	
10	20L3060083	Nguyễn Bá Quang Hợp	Nam	09-05-2001	Quảng Trị	2.85	Khá	
11	20L3060085	Võ Thị Khánh Huyền	Nữ	10-05-2002	Quảng Bình	2.70	Khá	
12	20L3060156	Nguyễn Thị Thanh Lai	Nữ	10-12-2002	Bình Định	3.70	Xuất sắc	
13	20L3060162	Phan Thị Yến My	Nữ	07-07-2002	Quảng Nam	2.67	Khá	
14	20L3060164	Nguyễn Tăng Quang Nhật	Nam	21-12-2002	Thừa Thiên Huế	3.71	Xuất sắc	
15	20L3060030	Nguyễn Thị Nhi	Nữ	13-10-2002	Thừa Thiên Huế	2.79	Khá	
16	20L3060031	Lê Thị Mộng Như	Nữ	23-08-2002	Quảng Nam	3.25	Giỏi	
17	20L3060032	Trịnh Lê Phi	Nam	22-11-2002	Quảng Trị	2.93	Khá	
18	20L3060037	Nguyễn Hữu Thắng	Nam	08-05-2001	Bình Định	3.64	Xuất sắc	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
19	20L3060170	Hồ Hữu Thắng	Nam	13-07-2002	Thừa Thiên Huế	3.09	Khá	
20	20L3060041	Trần Thị Cẩm Thi	Nữ	15-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.56	Giỏi	
21	20L3060042	Nguyễn Minh Thiện	Nam	05-12-2001	Thừa Thiên Huế	2.65	Khá	
22	20L3060125	Trần Đăng Thống	Nam	08-07-2002	Quảng Bình	2.76	Khá	
23	20L3060129	Nguyễn Thị Thùy Tiên	Nữ	20-01-2002	Quảng Trị	3.60	Xuất sắc	
24	20L3060174	Phan Thị Kiều Trinh	Nữ	30-09-2002	Đà Nẵng	3.03	Khá	
25	20L3060176	Nguyễn Đức Tú	Nam	27-03-1999	Thừa Thiên Huế	2.79	Khá	
26	20L3060048	Lê Thị Tư	Nữ	04-10-2002	Quảng Trị	3.08	Khá	
27	20L3060053	Hoàng Bé Vũ	Nam	12-09-2002	Quảng Ngãi	2.76	Khá	

NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L3080002	Đặng Thị Hoàng Anh	Nữ	19-05-2002	Thừa Thiên Huế	3.46	Giỏi	
2	20L3080005	Trần Thị Vân Anh	Nữ	12-09-2002	Quảng Trị	3.10	Khá	
3	20L3080006	Nguyễn Thanh Bằng	Nam	22-07-2002	Quảng Trị	3.21	Giỏi	
4	20L3080008	Hoàng Văn Chiến	Nam	10-06-2002	Quảng Bình	3.27	Giỏi	
5	20L3080235	Lê Xuân Chiến	Nam	10-02-2002	Hà Tĩnh	3.73	Xuất sắc	
6	20L3080011	Hoàng Xuân Công	Nam	28-11-2002	Thừa Thiên Huế	2.73	Khá	
7	20L3080012	Lê Văn Đài	Nam	28-06-2002	Quảng Trị	2.88	Khá	
8	20L3080124	Phan Hải Đặng	Nữ	26-11-2002	Quảng Trị	3.51	Giỏi	
9	20L3080014	Lê Tiến Đạt	Nam	06-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.36	Giỏi	
10	20L3080016	Phan Đức	Nam	18-11-2002	Thừa Thiên Huế	2.94	Khá	
11	20L3080017	Huỳnh Trọng Đức	Nam	16-10-2001	Thừa Thiên Huế	3.23	Giỏi	
12	20L3080126	Nguyễn Việt Dũng	Nam	24-03-2002	Quảng Trị	3.29	Giỏi	
13	20L3080018	Lê Thị Thùy Dương	Nữ	27-02-2002	Quảng Trị	3.73	Xuất sắc	
14	20L3080241	Phan Vũ Phúc Dương	Nam	26-01-2002	Thừa Thiên Huế	2.97	Khá	
15	20L3080127	Đặng Ngọc Duy	Nam	16-08-2002	Thừa Thiên Huế	3.10	Khá	
16	20L3080025	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	27-04-2002	Thừa Thiên Huế	3.63	Xuất sắc	
17	20L3080132	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	20-03-2002	Thừa Thiên Huế	3.13	Khá	
18	20L3080135	Trần Văn Thu Hiền	Nữ	24-10-2002	Thừa Thiên Huế	3.27	Giỏi	
19	20L3080139	Cao Ngọc Hiệp	Nam	19-02-2002	Thừa Thiên Huế	3.43	Giỏi	
20	20L3080026	Hồ Hiếu	Nam	13-05-2002	Thừa Thiên Huế	2.65	Khá	
21	20L3080242	Hoàng Bảo Hiếu	Nam	14-07-2002	Thừa Thiên Huế	3.19	Khá	
22	20L3080027	Nguyễn Huy Hiệu	Nam	05-07-2002	Thừa Thiên Huế	2.85	Khá	
23	20L3080143	Lê Việt Hoan	Nam	18-11-2002	Quảng Trị	2.71	Khá	
24	20L3080028	Hồ Ngọc Hoàng	Nam	05-11-2002	Thừa Thiên Huế	2.73	Khá	
25	20L3080029	Kim Đình Hoàng	Nam	16-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.65	Xuất sắc	
26	20L3080244	Trần Văn Hoàng	Nam	21-10-2002	Thừa Thiên Huế	3.74	Xuất sắc	
27	20L3080030	Đỗ Sỹ Hợp	Nam	14-06-2002	Quảng Trị	2.82	Khá	
28	20L3080032	Trần Phúc Hưng	Nam	05-12-2002	Thừa Thiên Huế	2.97	Khá	
29	20L3080036	Võ Văn Huy	Nam	29-01-2000	Thừa Thiên Huế	2.76	Khá	
30	20L3080147	Hồ Đăng Huy	Nam	07-08-2002	Quảng Trị	2.66	Khá	
31	20L3080149	Nguyễn Văn Huy	Nam	21-08-2002	Thừa Thiên Huế	2.61	Khá	
32	20L3080038	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	10-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.05	Khá	
33	20L3080040	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	Nữ	09-04-2002	Thừa Thiên Huế	3.47	Giỏi	
34	20L3080150	Hoàng Thị Lệ Huyền	Nữ	07-05-2002	Thừa Thiên Huế	2.89	Khá	
35	20L3080041	Phan Văn Khải	Nam	06-08-2002	Thừa Thiên Huế	2.65	Khá	
36	20L3080152	Trần Đình Quốc Khánh	Nam	08-09-2001	Thừa Thiên Huế	3.09	Khá	
37	20L3080155	Hà Văn Kiệt	Nam	27-06-2001	Thừa Thiên Huế	2.76	Khá	
38	20L3080044	Phạm Thị Thúy Kiều	Nữ	02-10-2002	Quảng Bình	3.57	Giỏi	
39	20L3080045	Trần Việt Kỳ	Nam	21-09-2002	Quảng Bình	2.95	Khá	
40	20L3080251	Phan Văn Thành La	Nam	14-08-2002	Thừa Thiên Huế	3.68	Xuất sắc	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
41	20L3080158	Nguyễn Việt Lâm	Nam	28-10-2002	Quảng Trị	3.04	Khá	
42	20L3080048	Nguyễn Văn Linh	Nam	12-07-2002	Quảng Nam	2.84	Khá	
43	20L3080051	Đinh Thị Kim Loan	Nữ	13-11-2002	Quảng Bình	3.15	Khá	
44	20L3080252	Đặng Hữu Lộc	Nam	14-12-2002	Thừa Thiên Huế	3.12	Khá	
45	20L3080053	Hồ Thị Ly	Nữ	01-05-2002	Quảng Trị	3.25	Giỏi	
46	20L3080055	Tôn Thất Minh	Nam	17-02-2002	Thừa Thiên Huế	3.42	Giỏi	
47	20L3080058	Trần Công Minh	Nam	18-01-2002	Thừa Thiên Huế	2.78	Khá	
48	20L3080169	Nguyễn Thị Thu Mộng	Nữ	09-01-2002	Thừa Thiên Huế	3.37	Giỏi	
49	20L3080059	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	17-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.32	Giỏi	
50	20L3080170	Võ Hải Nam	Nam	30-04-2002	Quảng Trị	3.28	Giỏi	
51	20L3080172	Đặng Ngọc Nam	Nam	03-07-2002	Thừa Thiên Huế	2.55	Khá	
52	20L3080060	Lê Văn Nghĩa	Nam	31-01-2002	Thừa Thiên Huế	3.51	Giỏi	
53	20L3080061	Hồ Hữu Nghĩa	Nam	07-06-2002	Thừa Thiên Huế	3.54	Giỏi	
54	20L3080174	Mạc Duy Nghĩa	Nam	12-03-2002	Thừa Thiên Huế	3.08	Khá	
55	20L3080063	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	03-03-2002	Thừa Thiên Huế	3.08	Khá	
56	20L3080065	Võ Nhân	Nam	16-05-2002	Thừa Thiên Huế	3.32	Giỏi	
57	20L3080258	Nguyễn Phước Nhật	Nam	01-01-2002	Thừa Thiên Huế	3.45	Giỏi	
58	20L3080288	Mai Thanh Nhơn	Nam	11-05-2002	Quảng Trị	3.03	Khá	
59	20L3080180	Trần Thị Tuyết Như	Nữ	21-03-2002	Thừa Thiên Huế	2.98	Khá	
60	20L3080259	Phạm Thị Hiền Như	Nữ	14-02-2002	Thừa Thiên Huế	3.13	Khá	
61	20L3080182	Đặng Văn Phôn	Nam	14-10-2002	Thừa Thiên Huế	3.14	Khá	
62	20L3080184	Nguyễn Như Bảo Phong	Nam	25-01-1999	Thừa Thiên Huế	2.95	Khá	
63	20L3080229	Nguyễn Thế Phong	Nam	27-03-2002	Quảng Trị	2.73	Khá	
64	20L3080069	Võ Thanh Phú	Nam	15-06-2002	Quảng Trị	3.35	Giỏi	
65	20L3080261	Đoàn Phước	Nam	26-05-2002	Thừa Thiên Huế	2.71	Khá	
66	20L3080289	Nguyễn Hoàng Phước	Nam	21-08-2002	Quảng Trị	2.80	Khá	
67	20L3080262	Tôn Thất Quân	Nam	12-11-2002	Thừa Thiên Huế	2.95	Khá	
68	20L3080073	Phan Quốc Nhật Quang	Nam	07-04-2002	Thừa Thiên Huế	2.75	Khá	
69	20L3080074	Phan Văn Quốc	Nam	01-02-2002	Quảng Trị	3.00	Khá	
70	20L3080077	Nguyễn Văn Quyền	Nam	10-04-2000	Thừa Thiên Huế	3.10	Khá	
71	20L3080078	Ngô Nguyễn Mạnh Quyền	Nam	17-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.17	Khá	
72	20L3080193	Lê Phước Sau	Nam	13-04-2002	Thừa Thiên Huế	2.72	Khá	
73	20L3080194	Trần Văn Sơn	Nam	22-11-2002	Thừa Thiên Huế	2.87	Khá	
74	20L3080267	Trần Văn Tài	Nam	15-03-2002	Quảng Bình	2.96	Khá	
75	20L3080081	Phạm Tâm	Nam	20-04-2002	Quảng Nam	2.84	Khá	
76	20L3080082	Lê Thị Mỹ Tâm	Nữ	18-06-2002	Thừa Thiên Huế	2.97	Khá	
77	20L3080268	Nguyễn Thị Minh Tâm	Nữ	11-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.11	Khá	
78	20L3080083	Nguyễn Văn Tây	Nam	01-08-2002	Thừa Thiên Huế	2.94	Khá	
79	20L3080269	Trần Như Quốc Thái	Nam	08-10-2002	Thừa Thiên Huế	2.85	Khá	
80	20L3080201	Trần Văn Thắng	Nam	06-03-2001	Thừa Thiên Huế	2.92	Khá	
81	20L3080271	Lê Quang Thành	Nam	10-06-2002	Quảng Trị	3.15	Khá	
82	20L3080206	Nguyễn Đức Minh Thông	Nam	22-01-2002	Thừa Thiên Huế	2.87	Khá	
83	20L3080088	Hồ Thị Minh Thư	Nữ	17-04-2002	Thừa Thiên Huế	3.15	Khá	
84	20L3080089	Hoàng Thị Thu Thủy	Nữ	05-09-2002	Thừa Thiên Huế	3.55	Giỏi	
85	20L3080091	Tôn Thanh Tiến	Nam	27-06-2001	Nghệ An	2.84	Khá	
86	20L3080093	Nguyễn Đình Hoàng Tính	Nam	25-03-2002	Thừa Thiên Huế	3.31	Giỏi	
87	20L3080094	Võ Thanh Toàn	Nam	01-06-2002	Quảng Trị	2.99	Khá	
88	20L3080215	Trần Thị Mỹ Trâm	Nữ	27-11-2002	Thừa Thiên Huế	2.47	Trung bình	
89	20L3080098	Phan Thị Lan Trinh	Nữ	14-11-2002	Quảng Trị	2.97	Khá	
90	20L3080216	Trần Văn Trọng	Nam	29-03-2001	Thừa Thiên Huế	2.58	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
91	20L3080281	Nguyễn Hữu Tú	Nam	30-01-2002	Quảng Nam	3.23	Giỏi	
92	20L3080101	Nguyễn Đình Tuấn	Nam	07-09-2001	Thừa Thiên Huế	2.83	Khá	
93	20L3080102	Lê Hữu Tuấn	Nam	31-07-2002	Quảng Bình	3.47	Giỏi	
94	20L3080104	Nguyễn Cát Tường	Nam	18-06-2002	Thừa Thiên Huế	2.57	Khá	
95	20L3080105	Trần Thị Thanh Tuyền	Nữ	19-04-2002	Quảng Trị	3.17	Khá	
96	20L3080220	Hồ Thị Ánh Tuyết	Nữ	25-05-2002	Quảng Trị	3.05	Khá	
97	20L3080108	Hà Trung Vỹ	Nam	28-12-2002	Quảng Nam	2.71	Khá	
98	20L3080224	Trần Văn Ý	Nam	02-01-2002	Thừa Thiên Huế	2.71	Khá	
99	20L3080287	Nguyễn Văn Ý	Nam	02-07-2002	Thừa Thiên Huế	3.03	Khá	

NGÀNH NÔNG HỌC. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L3090002	Trần Đức Anh Khoa	Nam	05-07-2000	Thừa Thiên Huế	3.76	Xuất sắc	
2	20L3090003	Nguyễn Đắc Trung Kiên	Nam	23-11-2001	Quảng Ngãi	3.18	Khá	
3	20L3090012	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	23-03-2002	Thừa Thiên Huế	2.73	Khá	

NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L3110021	Nguyễn Công Hiệu	Nam	01-03-2002	Quảng Trị	3.10	Khá	
2	20L3110019	Nguyễn Thị Phương Kiều	Nữ	25-10-2002	Quảng Trị	3.17	Khá	

NGÀNH QUẢN LÝ THỦY SẢN. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L3140021	Nguyễn Hữu Hoàng Bửu	Nam	26-02-2002	Thừa Thiên Huế	2.98	Khá	
2	20L3140022	Lê Văn Hai	Nam	03-10-2002	Quảng Trị	3.39	Giỏi	
3	20L3140014	Hoàng Thị Mỹ Linh	Nữ	04-04-2002	Thừa Thiên Huế	3.53	Giỏi	
4	20L3140017	Hà Văn Thành	Nam	10-05-2002	Thừa Thiên Huế	2.76	Khá	
5	20L3140023	Hoàng Thị Thu Thảo	Nữ	13-12-2002	Thừa Thiên Huế	3.86	Xuất sắc	
6	20L3140024	Phan Thị Mỹ Trâm	Nữ	13-02-2002	Thừa Thiên Huế	3.60	Xuất sắc	

NGÀNH BỆNH HỌC THỦY SẢN. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L3170010	Nguyễn Thị Đào	Nữ	12-12-2002	Thừa Thiên Huế	3.57	Giỏi	
2	20L3170016	Hồ Ngọc Tiến Đạt	Nam	19-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.45	Giỏi	
3	20L3170001	Hồ Thị Kim My	Nữ	14-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.49	Giỏi	
4	20L3170014	Ngô Thị Thu Sương	Nữ	04-10-2002	Thừa Thiên Huế	3.63	Xuất sắc	
5	20L3170002	Lê Văn Thông	Nam	09-06-2002	Thừa Thiên Huế	3.73	Xuất sắc	
6	20L3170013	Hoàng Sư Trường	Nam	01-08-2002	Thừa Thiên Huế	3.61	Xuất sắc	
7	20L3170015	Ngô Huy Khánh Trường	Nam	20-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.47	Giỏi	
8	20L3170011	Nguyễn Anh Xuân	Nam	08-06-2002	Thừa Thiên Huế	3.38	Giỏi	

NGÀNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L3190065	Nguyễn Thị Thu Huệ	Nữ	24-12-2001	Thừa Thiên Huế	2.85	Khá	
2	20L3190060	Ngô Thị Ngọc Nhung	Nữ	26-02-2002	Thừa Thiên Huế	2.69	Khá	
3	20L3190061	Nguyễn Thị Thanh Phú	Nữ	01-01-2002	Quảng Bình	3.12	Khá	
4	20L3190064	Phạm Thị Bảo Uyên	Nữ	22-10-2002	Thừa Thiên Huế	3.55	Giỏi	
5	20L3190047	Trịnh Thị Tường Vi	Nữ	28-08-2002	Quảng Trị	2.75	Khá	

NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L4010097	Hồ Quốc Bảo	Nam	14-05-2002	Thừa Thiên Huế	2.81	Khá	
2	20L4010099	Lê Công Bảo	Nam	28-11-2002	Thừa Thiên Huế	2.87	Khá	
3	20L4010109	Hà Thúc Nguyễn Chương	Nam	22-11-2002	Thừa Thiên Huế	2.68	Khá	
4	20L4010120	Đàm Văn Dự	Nam	03-03-2002	Quảng Nam	2.81	Khá	
5	20L4010122	Trần Võ Hạnh Đức	Nam	26-09-2002	Quảng Bình	3.60	Xuất sắc	
6	20L4010025	Lê Ngọc Hương Giang	Nữ	02-05-2002	Quảng Bình	2.82	Khá	
7	20L4010043	Lê Nguyễn Minh Hiếu	Nữ	06-05-2002	Quảng Nam	2.69	Khá	
8	20L4010256	Nguyễn Ngọc Hoàn	Nam	01-05-2002	Thừa Thiên Huế	2.91	Khá	
9	20L4010250	Võ Trục Học	Nam	20-01-2002	Quảng Trị	3.59	Giỏi	
10	20L4010137	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	07-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.36	Giỏi	
11	20L4010006	Trần Phước Hùng	Nam	06-06-2002	Thừa Thiên Huế	2.95	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
12	20L4010141	Nguyễn Văn Hưng	Nam	06-07-2002	Thừa Thiên Huế	2.97	Khá	
13	20L4010053	Nguyễn Tuấn Khiêm	Nam	01-01-2002	Quảng Ngãi	3.42	Giỏi	
14	20L4010056	Phạm Thị Hoàng Lan	Nữ	14-11-2002	Thừa Thiên Huế	3.46	Giỏi	
15	20L4010009	Vi Thị Linh	Nữ	17-04-2002	Thanh Hóa	2.89	Khá	
16	20L4010062	Nguyễn Thị My Ly	Nữ	12-10-2002	Quảng Nam	2.95	Khá	
17	20L4010094	Võ Phương Nam	Nam	22-11-2002	Quảng Nam	2.72	Khá	
18	20L4010181	Nguyễn Thanh Phong	Nam	22-11-2002	Thừa Thiên Huế	2.84	Khá	
19	20L4010073	Dương Văn Nhật Phụng	Nam	04-04-2002	Bình Phước	3.05	Khá	
20	20L4010187	Lê Minh Quân	Nam	28-05-2002	Thừa Thiên Huế	3.56	Giỏi	
21	20L4010196	Đỗ Văn Sơn	Nam	01-12-2002	Quảng Trị	3.60	Xuất sắc	
22	20L4010026	Phan Tấn Tài	Nam	07-06-2002	Quảng Nam	2.92	Khá	
23	20L4010014	Nguyễn Duy Thăng	Nam	08-12-2002	Đắk Lắk	3.05	Khá	
24	20L4010239	Lương Công Tú	Nam	25-04-2002	Quảng Nam	2.83	Khá	
25	20L4010088	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	11-04-2002	Quảng Trị	3.75	Xuất sắc	
26	20L4010244	Trần Thị Tố Uyên	Nữ	01-05-2002	Thừa Thiên Huế	2.90	Khá	
27	20L4010021	Hoàng Thị Tường Vân	Nữ	25-05-2002	Thừa Thiên Huế	3.33	Giỏi	
28	20L4010247	Nguyễn Thị Thảo Vi	Nữ	02-07-2001	Quảng Trị	2.85	Khá	
29	20L4010023	Trần Bảo Vy	Nữ	07-12-2002	Thừa Thiên Huế	3.30	Giỏi	

NGÀNH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO. KHÓA: 2020 - 2025

1	20L4030001	Đặng Quang Ben	Nam	05-05-2001	Thừa Thiên Huế	3.33	Giỏi	
2	20L4030042	Phan Văn Quang	Nam	09-10-2001	Thừa Thiên Huế	3.31	Giỏi	
3	20L4030017	Lê Thị Thảo Vy	Nữ	27-10-2002	Đà Nẵng	3.36	Giỏi	

NGÀNH BÁT ĐỘNG SẢN. KHÓA: 2020 - 2024

1	20L3180088	Hoàng Thị Thanh Huyền	Nữ	23-10-2002	Thừa Thiên Huế	3.32	Giỏi	
2	20L3180113	Phan Thị Nga	Nữ	03-03-2002	Thừa Thiên Huế	3.01	Khá	
3	20L3180021	Võ Thị Quỳnh Nhi	Nữ	11-06-2002	Thừa Thiên Huế	3.07	Khá	
4	20L3180030	Nguyễn Kim Tây	Nam	07-12-2002	Thừa Thiên Huế	2.90	Khá	

CÁC KHÓA TRƯỚC:

NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI. KHÓA: 2019 - 2023

1	19L4011096	Nguyễn Văn Hiên	Nam	20-08-2001	Quảng Nam	2.33	Trung bình	
2	19L4011234	Hồ Văn Thiện	Nam	02-02-2001	Thừa Thiên Huế	2.22	Trung bình	

NGÀNH SINH HỌC ỨNG DỤNG. KHÓA: 2019 - 2023

1	19L3201029	Huỳnh Thị Nga	Nữ	10-05-2001	Bình Định	2.94	Khá	
---	------------	---------------	----	------------	-----------	------	-----	--

NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG. KHÓA: 2019 - 2023

1	19L3111007	Huỳnh Xuân Lâm	Nam	25-02-2001	Quảng Nam	2.91	Khá	
---	------------	----------------	-----	------------	-----------	------	-----	--

NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN. KHÓA: 2019 - 2023

1	19L3081046	Hồ Ngọc Lâm	Nam	20-05-2001	Bình Định	2.64	Khá	
2	19L3081074	Lê Trần Phương Nhã	Nữ	20-12-2001	Quảng Trị	3.33	Giỏi	

NGÀNH BẢO VỆ THỰC VẬT. KHÓA: 2019 - 2023

1	19L3021008	Võ Lâm Khánh	Nam	16-04-2001	Thừa Thiên Huế	2.76	Khá	
2	19L3021022	Bùi Ngọc Toàn	Nam	15-01-2001	Quảng Trị	2.64	Khá	

NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG. KHÓA: 2019 - 2023

1	19L3011063	Phan Minh Huy	Nam	25-12-1998	Quảng Bình	3.77	Giỏi	6.01%
---	------------	---------------	-----	------------	------------	------	------	-------

NGÀNH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM. KHÓA: 2019 - 2024

1	19L3191088	Mạnh Thị Lan Trinh	Nữ	20-12-2001	Gia Lai	2.95	Khá	
---	------------	--------------------	----	------------	---------	------	-----	--

NGÀNH THỦ Y. KHÓA: 2019 - 2024

1	19L3071043	Trần Thị Hòa	Nữ	10-01-2001	Thừa Thiên Huế	3.39	Giỏi	
2	19L3071053	Hoàng Lê Nhật Hưng	Nam	12-01-2001	Thừa Thiên Huế	2.44	Trung bình	
3	19L3071105	Trần Quân	Nam	02-01-2001	Quảng Trị	2.45	Trung bình	
4	19L3071134	Phạm Thị Như Thuần	Nữ	30-04-2001	Hà Tĩnh	2.67	Khá	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
5	19L3071142	Võ Tấn Tin	Nam	10-04-2001	Quảng Ngãi	2.75	Khá	
6	19L3071147	Võ Thị Thùy Trang	Nữ	02-08-2001	Quảng Ngãi	2.28	Trung bình	

NGÀNH KỸ THUẬT CƠ - ĐIỆN TỬ. KHÓA: 2019 - 2024

1	19L1041027	Trần Hưng An	Nam	07-11-2001	Thừa Thiên Huế	2.25	Trung bình	
---	------------	--------------	-----	------------	----------------	------	------------	--

NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM. KHÓA: 2019 - 2024

1	19L1031009	Nguyễn Trần Hiếu Chung	Nam	05-12-2001	Thừa Thiên Huế	2.63	Khá	
2	19L1031015	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	23-04-2001	Thừa Thiên Huế	3.34	Giỏi	
3	19L1031054	Nguyễn Đình Hoài Nam	Nam	04-06-2001	Thừa Thiên Huế	2.39	Trung bình	

NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG. KHÓA: 2018 - 2022

1	18L3111004	Hồ Pa Lô Y Ra Pát Gô	Nam	10-01-1999	Thừa Thiên Huế	2.81	Khá	
---	------------	----------------------	-----	------------	----------------	------	-----	--

NGÀNH KỸ THUẬT CƠ - ĐIỆN TỬ. KHÓA: 2018 - 2023

1	18L1041069	Lê Quý Xuân Thịnh	Nam	15-04-2000	Thừa Thiên Huế	2.29	Trung bình	
---	------------	-------------------	-----	------------	----------------	------	------------	--

NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM. KHÓA: 2018 - 2023

1	18L1031112	Huỳnh Công Trà My	Nữ	24-06-2000	Thừa Thiên Huế	2.76	Khá	
2	18L1031210	Hồ Thị Thùy Tiên	Nữ	06-09-2000	Thừa Thiên Huế	2.61	Khá	

NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN. KHÓA: 2017 - 2021

1	17L4021314	Trần Văn Rôn	Nam	10-11-1998	Thừa Thiên Huế	2.55	Khá	
---	------------	--------------	-----	------------	----------------	------	-----	--

NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI. KHÓA: 2017 - 2021

1	17L4011033	Hồ Văn Long	Nam	12-01-1998	Quảng Ngãi	3.13	Khá	
---	------------	-------------	-----	------------	------------	------	-----	--

NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN. KHÓA: 2017 - 2021

1	17L3081104	Trương Trọng Quý	Nam	19-05-1999	Thừa Thiên Huế	2.38	Trung bình	
---	------------	------------------	-----	------------	----------------	------	------------	--

NGÀNH THỦ Y. KHÓA: 2017 - 2022

1	17L3071124	Trương Công Huy Hoàng	Nam	27-10-1999	Quảng Nam	2.82	Khá	
2	17L3071134	Nguyễn Văn Huy	Nam	13-09-1998	Quảng Nam	2.54	Khá	
3	17L3071182	Đỗ Thành Long	Nam	10-03-1999	Quảng Nam	2.22	Trung bình	

NGÀNH KỸ THUẬT CƠ - ĐIỆN TỬ. KHÓA: 2017 - 2022

1	17L1041078	Trương Việt Vững	Nam	12-06-1999	Thừa Thiên Huế	2.84	Khá	
---	------------	------------------	-----	------------	----------------	------	-----	--

NGÀNH KHUYẾN NÔNG. KHÓA: 2016 - 2020

1	16L3101004	Nguyễn Quốc Hưng	Nam	10-07-1998	Quảng Nam	2.10	Trung bình	
---	------------	------------------	-----	------------	-----------	------	------------	--

NGÀNH CHĂN NUÔI. KHÓA: 2016 - 2020

1	16L3061058	Nguyễn Đình Hoàng	Nam	08-04-1998	Thừa Thiên Huế	3.08	Khá	
---	------------	-------------------	-----	------------	----------------	------	-----	--

NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG. KHÓA: 2015 - 2019

1	15L3011068	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nữ	26-02-1997	Quảng Trị	2.23	Trung bình	
---	------------	---------------------	----	------------	-----------	------	------------	--

Tổng cộng danh sách này có 289 sinh viên được công nhận tốt nghiệp *ayle*

Trong đó:

Khóa 2020 - 2025:	251 sv
Khóa 2020 - 2024:	4 sv
Khóa 2019 - 2024:	11 sv
Khóa 2019 - 2023:	9 sv
Khóa 2018 - 2023:	3 sv
Khóa 2018 - 2022:	1 sv
Khóa 2017 - 2022:	4 sv
Khóa 2017 - 2021:	3 sv
Khóa 2016 - 2020:	2 sv
Khóa 2015 - 2019:	1 sv

